

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH HÀ GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 04/2024/HNGĐ-ST
Ngày 10 tháng 7 năm 2024
Về việc ly hôn giữa chị T
và anh H

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH HÀ GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Đàm

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Hồng Việt

2. Bà Lương Thị Nhiều

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Trung Kiên - Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Hà Giang

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Mạnh Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 04/2024/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2024, về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2024/QĐXX-ST ngày 01 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nông Thị T** - Sinh năm: 2000; Nơi cư trú: Tiểu khu T II, thị trấn V, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Nơi ở hiện nay: Số nhà 06, ngõ 137, đường ĐCT, phường C, thành phố P, tỉnh Hà Nam. (Có mặt).

Bị đơn: Anh **Lý Thái H** - Sinh năm 1996; Địa chỉ: Tổ 1, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Hà Giang; Hiện đang chấp hành án tại Đội 4, Phân trại số 3, Trại giam TL, xã V, huyện HH, tỉnh Phú Thọ (Vắng mặt, có đơn xin giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện đề ngày 01/3/2024 cùng các tài liệu chứng cứ kèm theo và trong quá trình xét xử, nguyên đơn Nông Thị T trình bày: Nguyên đơn và bị đơn là anh Lý Thái H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định vào ngày 03/7/2019, tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Hà Giang. Sau khi đăng ký kết hôn, chưa kịp tổ chức cưới hỏi theo phong tục thì đến ngày 15/7/2019, anh Lý Thái H bị Công an tỉnh Thái Nguyên bắt, sau đó bị Tòa án xét xử, kết án tù chung thân về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, hiện đang chấp hành án phạt tù tại Đội 4, Phân trại số 3, Trại giam TL (thuộc xã V, huyện HH, tỉnh Phú Thọ). Xét thấy, không xác định được thời hạn chấp hành

hình phạt tù của anh H, hai vợ chồng mới chỉ đăng ký kết hôn, chưa tổ chức cưới hỏi, lại chưa có con chung, không có tương lai hạnh phúc sau này nên chị không thể tiếp tục chờ đợi anh H được, do vậy chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

Về con chung: Hai vợ chồng chị chưa có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ chung: Hai vợ chồng chưa tạo lập được khối tài sản chung nào, không có công nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Văn bản trình bày ý kiến đề ngày 13/3/2024 (giao nộp ngày 14/6/2024); biên bản lấy lời khai ngày 14/6/2024, anh Lý Thái H khai: Anh nhất trí với trình bày của chị Nông Thị T về việc vợ chồng anh đã tự nguyện kết hôn với nhau vào ngày 03/7/2019, có đăng ký kết hôn theo quy định tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Hà Giang. Sau khi đăng ký kết hôn, chưa kịp tổ chức cưới hỏi thì anh bị bắt và xét xử. Nay anh đang chấp hành hình phạt tù chung thân tại trại giam, không xác định được thời điểm chấp hành xong hình phạt nên anh nhất trí ly hôn với chị T. Về con chung và tài sản, công nợ chung: Vợ chồng anh chưa có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Hà Giang phát biểu ý kiến: *Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:* Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự. Trong thời gian chuẩn bị xét xử Thẩm phán đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ của mình, tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, tổng đạt các văn bản, quyết định tố tụng cho đương sự đầy đủ; ban hành Quyết định đưa vụ án ra xét xử đúng thời hạn, đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm, tiến hành khai mạc phiên tòa, giới thiệu thành phần Hội đồng xét xử, phổ biến quyền và nghĩa vụ của đương sự. Thành phần Hội đồng xét xử đúng như đã nêu tại Quyết định đưa vụ án xét xử; Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa điều hành trình tự, thủ tục tranh tụng đúng quy định tại Điều 249 và Điều 260 Bộ luật tố tụng dân sự. *Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:* Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 71, 72, 227 và 234 của Bộ luật tố tụng dân sự. *Quan điểm về việc giải quyết vụ án:* Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình để xử cho chị Nông Thị T ly hôn với anh Lý Thái H. Về con chung: Hai vợ chồng chị T, anh H chưa có nên đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết. Về tài sản, công nợ chung: Không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của

Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử buộc chị Nông Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đơn khởi kiện của chị Nông Thị T về việc xin ly hôn với anh Lý Thái H được Tòa án nhân dân huyện Đ thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã xác định tư cách đương sự, xác minh thu thập chứng cứ, tiến hành kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ; ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử đúng trình tự, thủ tục luật định. Do anh Lý Thái H đang chấp hành án phạt tù, Tòa án nhân dân huyện Đ đã tiến hành ủy thác thu thập chứng cứ, tổng đạt các văn bản tố tụng, lấy lời khai của anh Lý Thái H theo đúng quy định tại các điều 97, 98 và 105 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do anh H hiện đang chấp hành hình phạt tù tại trại giam, không thể có mặt tại Tòa án để tham gia tố tụng, có đơn xin giải quyết vụ án vắng mặt nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo khoản 2 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và thông báo kết quả phiên họp cho người vắng mặt. Do điều kiện anh H có đơn xin giải quyết vụ án vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh H.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nông Thị T và anh Lý Thái H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Hà Giang ngày 03/7/2019. Do vậy quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh H là hợp pháp. Sau khi đăng ký kết hôn, chưa kịp tổ chức cưới hỏi theo phong tục thì đến ngày 15/7/2019, anh Lý Thái H bị Công an tỉnh Thái Nguyên bắt, sau đó bị Tòa án xét xử, kết án tù chung thân về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, phải đi chấp hành án tại Đội 4, Phân trại số 3, Trại giam TL (thuộc xã V, huyện HH, tỉnh Phú Thọ). Xét thấy, anh H đang chấp hành án tù chung thân, vợ chồng lại chưa có con chung nên chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H. Anh H nhất trí ly hôn với chị T, tuy nhiên, anh H đang chấp hành hình phạt tù, không thể trực tiếp đến Tòa hòa giải cũng như tham gia tố tụng được. Do vậy, Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, xử cho chị T được ly hôn với anh H theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng chị T, anh H chưa có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và các khoản 1, 3 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Áp dụng Điều 271 và các khoản 1, 3 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự,

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Cho chị Nông Thị T ly hôn với anh Lý Thái H.

2. *Về án phí:* Chị Nông Thị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003655 ngày 01/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Hà Giang. Chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. *Quyền kháng cáo:* Chị Nông Thị T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh Lý Thái H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. *Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.*

Nơi nhận:

- VKSND huyện Đ;
- TAND tỉnh;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Hà Giang;
- Lưu hồ sơ vụ án, vp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Văn Đàm